

TỔNG ÔN NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

Chuyên đề 1 – Thì động từ

III. The future tenses

Exercise 15: Complete the sentences using the future perfect forms of the verbs in brackets.

Question 1: By the time next year I hope that I _____ (find) a good job.

Đáp án

– Căn cứ vào dấu hiệu của thì tương lai hoàn thành: by the time + mốc thời gian tương lai => động từ trong câu phải chia thì tương lai hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: will have found.

– Dịch: Vào thời điểm này năm sau, tôi hi vọng rằng sẽ tìm được một công việc tốt.

Question 2: Anne _____ (repair) her bike by next week.

Đáp án

– Căn cứ vào dấu hiệu của thì tương lai hoàn thành: “by next week” (vào giờ này tuần sau).

=> ĐÁP ÁN: will have repaired.

– Dịch: Ann sẽ sửa xe đạp của cô ấy vào tuần tới.

Question 3: By the time we are fifty, our kid _____ (leave) school.

Đáp án

* Căn cứ vào mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian: by the time S + V (hiện tại đơn), S + V (tương lai hoàn thành).

Về chứa “by the time” chia thì hiện tại đơn => về còn lại chia tương lai hoàn thành.

* Đáp án: will have left.

* Dịch nghĩa: Vào thời điểm chúng tôi 50 tuổi, đứa trẻ của chúng tôi sẽ đã rời trường rồi.

Question 4: She _____ (visit) Paris by the end of next week.

Đáp án

– Căn cứ vào dấu hiệu của thì tương lai hoàn thành: by the end of + mốc thời gian tương lai => động từ trong câu phải chia thì tương lai hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: will have visited.

– Dịch: Cô ấy sẽ đi thăm Paris vào cuối tuần sau.

Question 5: Next week, they _____ (marry) for 25 years.

Đáp án

– Căn cứ vào nghĩa của câu: Tuần tới họ sẽ đã kết hôn được 25 năm.

=> Tính tới một thời điểm trong tương lai sẽ có một hành động hoàn tất => ta dùng thì tương lai hoàn thành. Và hành động “kết hôn” này đã hoàn thành và chấm dứt trong quá khứ rồi, chỉ là tính đến bây giờ thì được 25 năm, nên không thể dùng thì tiếp diễn để nhấn mạnh quá trình “kết hôn” được, như vậy sẽ hiểu là “việc kết hôn kéo dài 25 năm”, vô lý

=> ĐÁP ÁN: **will have been married.**

Question 6: The fire _____ (destroy) the whole building before the firemen arrive.

Đáp án

– Căn cứ vào **dấu hiệu** của thì tương lai hoàn thành: Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một hành động hay sự việc khác trong tương lai.

(Hành động, sự việc hoàn thành trước sẽ chia thì tương lai hoàn thành. Hành động, sự việc xảy ra sau sẽ chia thì hiện tại đơn).

=> ĐÁP ÁN: will have destroyed.

- Dịch: Đám cháy đã phá hủy toàn bộ tòa nhà trước khi lính cứu hỏa đến.

Question 7: Call me after 8:00. We _____ (finish) dinner by then.

Đáp án

- Căn cứ vào dấu hiệu của thì tương lai hoàn thành: by+ mốc thời gian tương lai.

=> ĐÁP ÁN: will have finished.

- Dịch: Gọi cho tôi sau 8 giờ. Chúng tôi sẽ đã ăn tối xong vào lúc đó.

Question 8: We are late. The movie _____ already (start) by the time we get to the theater.

Đáp án

- Căn cứ vào mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian:

By the time S+ V (hiện tại đơn), S + V (tương lai hoàn thành).

Về chứa "by the time" chia thì hiện tại đơn => về còn lại chia thì tương lai hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: **will have already started.**

- Dịch: Chúng tôi đến muộn. Bộ phim đã bắt đầu vào thời điểm chúng tôi đến rạp chiếu phim.

Question 9: I _____ (meet) John before I leave for Paris.

Đáp án

* Căn cứ cách dùng của thì TLHT:

- Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một hành động hay sự việc trong tương lai.

* Dịch nghĩa: Tôi sẽ gặp John trước khi tôi rời Paris.

- Việc "gặp John" diễn ra trước sự việc "rời Paris".

* Đáp án: will have met.

Question 10: By ten o'clock tomorrow, they _____ (arrive) in Houston.

Đáp án

- Căn cứ vào dấu hiệu của thì tương lai hoàn thành: by+ mốc thời gian tương lai.

- Đáp án: will have arrived.

- Dịch: Vào lúc 10 giờ ngày mai, họ sẽ đến Houston.

Question 11: By the time the new policy comes into effect I'm sure there _____ (be) some changes.

Đáp án

- Căn cứ vào mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian: by the time S+ V (hiện tại đơn), S + V (tương lai hoàn thành).

=> ĐÁP ÁN: will have been.

- Dịch: Vào thời điểm chính sách mới có hiệu lực, tôi chắc chắn rằng sẽ có một vài sự thay đổi.

Question 12: I suppose when I come back in two years' time they _____ (pull) down all these old houses.

Đáp án

- Căn cứ vào cấu trúc: **When S + V (hiện tại đơn), S + V (tương lai hoàn thành).**

- Về chứa "when" chia thì hiện tại đơn => về còn lại chia tương lai hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: will have pulled.

- Dịch: Tôi cho rằng khi tôi quay trở lại trong thời gian 2 năm tới, họ sẽ phá tất cả căn nhà cũ đi.

Question 13: Lisa is from New Zealand. She is travelling around Canada at the moment. So far she has travelled about 1000 miles. By the end of the trip, she _____ (travel) more than 3000 miles.

Đáp án

* Dịch nghĩa: Lisa đến từ New Zealand. Bây giờ cô ấy đang đi du lịch vòng quanh Canada. Cho đến bây giờ cô ấy đã đi khoảng 1000 dặm. Vào cuối chuyến đi, cô ấy sẽ đi hơn 3000 dặm.

* Đáp án: will have travelled.

Question 14: You are too late. By the time you arrive, they _____ (finish) their speech and everyone _____ (go) home.

Đáp án

– Căn cứ vào dấu hiệu của **thì tương lai hoàn thành**: Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một hành động hay sự việc khác trong tương lai.

=> **ĐÁP ÁN: will have finished - will have gone.**

– **Dịch:** Bạn đến quá muộn. Vào lúc bạn đến, họ đã hoàn thành bài phát biểu và mọi người đã về nhà.

Question 15: Ben is on vacation, and he is spending his money very quickly. If he continues like this, he _____ (spend) all his money before the end of the vacation.

Đáp án

– Căn cứ vào dấu hiệu của **thì tương lai hoàn thành**: Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một hành động hay sự việc khác trong tương lai.

=> **ĐÁP ÁN: will have spent.**

– **Dịch:** Ben đang đi nghỉ và anh ấy đang tiêu tiền một cách rất nhanh chóng. Nếu anh ấy tiếp tục như thế này, anh ấy sẽ tiêu hết tất cả tiền trước khi kì nghỉ kết thúc.